

## TÀI LIỆU THÔNG TIN HƯỚNG DẪN CỬ TRI<sup>1</sup>

Cuộc Bầu Cử Trái Phiếu của Town of Addison, Texas

Ngày Bầu Cử: 2 tháng Năm, 2026

Giai đoạn bỏ phiếu sớm: 20 tháng Tư, 2026 đến 28 tháng Tư, 2026

### Nội Dung Trên Lá Phiếu - Kế Hoạch Đề Nghị A của Town of Addison ("Kế Hoạch Đề Nghị A")

#### ĐÂY LÀ MỨC TĂNG THUẾ

Phát hành các trái phiếu trách nhiệm tổng quát trị giá \$55,000,000 để thiết kế, phát triển, xây dựng, mua lại, cải tiến, mở rộng, và trang bị cho các cơ sở vật chất cảnh sát và mua đất cho các công trình đó, và áp dụng một khoản thuế ở mức đủ để trả vốn gốc và lãi của các trái phiếu đó.

### Thông Tin Liên Quan đến Các Khoản Nợ Phải Trả Được Đề Xuất Trong Kế Hoạch Đề Nghị A

Số Tiền Vốn Gốc của Các Khoản Nợ Phải Trả Được Đề Xuất Trong Kế Hoạch Đề Nghị A	Lãi Suất Ước Tính trên Các Khoản Nợ Phải Trả Được Đề Xuất Trong Kế Hoạch Đề Nghị A <sup>2</sup>	Số Tiền Vốn Gốc và Lãi Kết Hợp Ước Tính Cần Phải Trả Đúng Hạn và Toàn Bộ cho Các Khoản Nợ Được Đề Xuất Trong Kế Hoạch Đề Nghị A
\$ 55,000,000	\$32,516,111	\$87,516,111

### Thông Tin Liên Quan đến Các Khoản Nợ Chưa Trả của Thành Phố tính đến ngày 10 tháng Hai, 2026<sup>3</sup>

Số Tiền Gốc của Các Nghĩa Vụ Nợ Chưa Trả	Ước Tính Số Tiền Lãi Còn Lại của Các Nghĩa Vụ Nợ Chưa Trả	Số Tiền Gốc và Lãi Kết Hợp Ước Tính Cần Phải Trả Đúng Hạn và Toàn Bộ cho Các Nghĩa Vụ Nợ Chưa Trả
\$179,530,000	\$44,137,896	\$223,667,896

### Thông Tin Liên Quan đến Ước Tính Mức Tăng Tối Đa Hàng Năm Số Tiền Thuế Giá Trị Tài Sản trên một Cư Gia Nơi Chủ Sở Hữu Cư Ngụ có Giá Trị Được Định Giá là \$100,000 để Trả Các Nghĩa Vụ Nợ Được Đề Nghị Trong Kế Hoạch Đề Nghị A

Nếu các trái phiếu được phê chuẩn theo Kế Hoạch Đề Nghị A của cuộc bầu cử cho phép phát hành dựa trên các giả thiết được trình bày trong "Các Giả Thiết Được Dùng Để Tính Toán Ước Tính Tác Động Lên Thuế" dưới đây, mức thuế dịch vụ nợ của Thành phố sẽ tăng khoảng \$0.06276 do việc phát hành các trái phiếu nói trên, mức tăng tối đa hàng năm \$62.76 của các khoản thuế giá trị tài sản trên một cư gia nơi chủ sở hữu cư ngụ trong Kế Hoạch Đề Nghị có giá trị được định giá là \$100,000 để trả nợ các trái phiếu được đề xuất.

<sup>1</sup> Tài Liệu Thông Tin Hướng Dẫn Cử Tri này được cung cấp theo quy định của Mục 1251.052, Bộ Luật Chính Quyền Texas.

<sup>2</sup> Dựa trên các giả định được đặt ra trong phần "Các Giả Thiết Được Dùng Để Tính Toán Ước Tính Tác Động Lên Thuế" dưới đây.

<sup>3</sup> Thông tin có trong bảng này phản ánh các nghĩa vụ nợ chưa trả của Thành Phố tính đến ngày Hội Đồng Thành Phố phê chuẩn Sắc Lệnh yêu cầu tổ chức Cuộc Bầu Cử Trái Phiếu này.

### **Các Giả Thiết Được Dùng Để Tính Toán Ước Tính Tác Động Lên Thuế**

Kế Hoạch ĐỀ Nghị dự định phát hành các trái phiếu được Kế Hoạch ĐỀ Nghị A cho phép, trong nhiều năm, theo cách thức và phù hợp với lịch trình do Hội Đồng Thành Phố quyết định dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm nhưng không giới hạn ở nhu cầu hiện tại và thời điểm đó của Thành Phố, các thay đổi về nhân khẩu, điều kiện thị trường hiện hành, các giá trị được định thuế của bất động sản trong Thành Phố và quản lý rủi ro lãi suất dài hạn và ngắn hạn của Thành Phố. Vì các mục đích để ước tính mức tăng tối đa hàng năm lên các loại thuế có trên bảng này, Thành Phố đã sử dụng các giả thiết sau đây, có thể thay đổi:

(1) Các trái phiếu được cho phép theo Kế Hoạch ĐỀ Nghị A dự kiến sẽ được phát hành thành nhiều đợt trong khoảng thời gian hai năm để giảm bớt tác động thuế suất và đáp ứng các nhu cầu xây dựng của Thành phố. Bảng thể hiện trong Phụ Lục A đính kèm theo đây là bảng dự toán khấu hao cho thấy tổng chi phí trả nợ trái phiếu được cho phép theo Kế Hoạch ĐỀ Nghị A:

(2) Trái phiếu sẽ chịu mức lãi suất 5.00% dựa trên lãi suất được miễn thuế tính đến ngày 21 tháng Một năm 2026.

(3) Giá trị được định thuế của Thành phố dự kiến sẽ tăng ở mức 3.00% mỗi năm cho khoảng thời gian từ 2027 đến hết 2037.

(4) Mức thuế suất tối đa của Quỹ Lãi Suất và Dự Phòng (I&S) tối đa dự kiến là \$0.2378.

KẾT THÚC NĂM TÀI KHOẢN	TAV (1)	Chi tiết về Khoản nợ hiện thời						Các Dự Án Đã Cam Kết	Có Thể \$55 Triệu				Tổng Ròng Tính Trước Được trả bằng Tiền Thuế	Dự Kiến Tổng Được tính toán Mức Thuế(2)
		Khoản Nợ Chưa Trả	Tổng Các Yêu Cầu về Tổng Số Tiền Trả Nợ Tự Lực Hiện Thời	\$44.6 Triệu Các Khoản Chi Trả Khoản Vay SIB	Sản bay/ Nước mưa Chuyển	Ròng Hiện thời Trả Nợ	Dự Kiến Mức Thuế Cho Hiện thời Trả Nợ (2)	\$10,000,000 Cấp Quỹ Theo Chương Trình CO 2027 Tổng số tiền trả nợ	\$27,500,000 7/1/27 - 5.00% Tổng Nợ	\$27,500,000 7/1/28 - 5.00% Tổng Nợ	Tổng	Mức Thuế Tác động(2)		
2026	6,734,742,080	13,904,838	(3,392,656)	1,915,350	(1,366,831)	11,060,700	0.1750	-	-	-	-	-	11,060,700	0.1750
2027	6,936,784,342	14,488,363	(3,603,664)	2,947,925	(1,466,200)	12,366,424	0.1847	-	-	-	-	-	12,366,424	0.1847
2028	7,144,887,873	14,035,731	(3,599,033)	2,949,608	(1,467,844)	11,918,462	0.1729	941,361	2,186,556	-	2,186,556	0.03171	15,046,379	0.2182
2029	7,359,234,509	13,597,858	(3,510,395)	2,950,035	(1,472,729)	11,564,769	0.1628	943,625	2,190,250	2,186,556	4,376,806	0.06163	16,885,199	0.2378
2030	7,580,011,544	13,604,639	(3,504,780)	2,949,208	(1,467,888)	11,581,178	0.1583	939,375	2,185,750	2,190,250	4,376,000	0.05982	16,896,553	0.2310
2031	7,807,411,890	13,562,084	(3,508,725)	2,947,125	(1,465,993)	11,534,491	0.1531	943,875	2,189,000	2,185,750	4,374,750	0.05807	16,853,116	0.2237
2032	8,041,634,247	13,525,425	(3,493,750)	2,948,725	(1,458,756)	11,521,644	0.1485	942,000	2,189,750	2,189,000	4,378,750	0.05643	16,842,394	0.2170
2033	8,282,883,275	12,219,901	(3,508,890)	2,948,944	(1,248,709)	10,411,247	0.1303	934,000	2,188,000	2,189,750	4,377,750	0.05477	15,722,997	0.1967
2034	8,531,369,773	9,221,575	(2,380,244)	2,947,783	(798,888)	8,990,226	0.1092	934,750	2,188,625	2,188,000	4,376,625	0.05316	14,301,601	0.1737
2035	8,787,310,866	7,818,463	(1,876,406)	2,950,178	(708,262)	8,183,973	0.0965	943,750	2,186,500	2,188,625	4,375,125	0.05159	13,502,848	0.1592
2036	9,050,930,192	7,815,350	(1,878,200)	2,946,131	(707,624)	8,175,657	0.0936	941,000	2,186,500	2,186,500	4,373,000	0.05007	13,489,657	0.1544
2037	9,322,458,098	7,420,591	(1,711,709)	2,945,640	(707,275)	7,947,246	0.0883	941,625	2,188,375	2,186,500	4,374,875	0.04863	13,263,746	0.1474
2038	9,602,131,841	6,863,575	(1,705,819)	2,948,580	(707,942)	7,398,394	0.0798	555,375	2,187,000	2,188,375	4,375,375	0.04722	12,329,144	0.1331
2039	9,602,131,841	6,870,906	(1,706,562)	2,949,889	(708,603)	7,405,630	0.0799	557,625	2,187,250	2,187,000	4,374,250	0.04721	12,337,505	0.1331
2040	9,602,131,841	4,796,675	(763,213)	2,949,566	(595,408)	6,387,620	0.0689	558,875	2,188,875	2,187,250	4,376,125	0.04723	11,322,620	0.1222
2041	9,602,131,841	3,921,044	(762,034)	2,947,612	(508,276)	5,598,345	0.0604	554,250	2,186,750	2,188,875	4,375,625	0.04722	10,528,220	0.1136
2042	9,602,131,841	2,988,706	(759,750)	2,948,963	(414,601)	4,763,318	0.0514	553,750	2,190,625	2,186,750	4,377,375	0.04724	9,694,443	0.1046
2043	9,602,131,841	1,352,600	(550,300)	2,948,558	(345,346)	3,405,512	0.0368	557,125	2,190,250	2,190,625	4,380,875	0.04728	8,343,512	0.0900
2044	9,602,131,841	678,300	(377,400)	2,941,458	(294,146)	2,948,212	0.0318	559,250	2,185,625	2,190,250	4,375,875	0.04722	7,883,337	0.0851
2045	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	555,250	2,186,500	2,185,625	4,372,125	0.04718	4,927,375	0.0532
2046	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	555,125	2,187,500	2,186,500	4,374,000	0.04720	4,929,125	0.0532
2047	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	558,625	2,188,375	2,187,500	4,375,875	0.04722	4,934,500	0.0533
2048	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	-	-	2,188,375	2,188,375	0.02362	2,188,375	0.0236
2049	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2050	9,602,131,841	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		\$ 168,686,623	\$ (42,593,530)	\$ 54,981,274	\$ (17,911,321)	\$ 163,163,045		\$ 14,970,611	\$ 43,758,056	\$ 43,758,056	\$ 87,516,111		\$ 265,649,767	

**Các Giả Thiết:**  
(1) FYE 2025 là TAV cuối cùng của Thành Phố theo quy định của Cơ Quan Định Giá Trung Tâm Dallas. FYE 2026 theo như các viên chức Thành Phố cung cấp. Các giá trị tương lai giả thiết mức tăng trưởng 3% cho đến hết FYE 2038 theo như các viên chức Thành Phố cung cấp.  
(2) Phần Trăm Truy Thu: 96.5% Mức thuế cho FYE 2025 và FYE 2026 là mức thực tế. Tất cả các năm khác là dự báo.  
(3) Các Giả thiết Lãi suất: Doanh số bán 2026 trở đi giả thiết là 5.00%